

Bản án số: 56/2020/HS-PT
Ngày 21 - 5 - 2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Quang
Bà Nguyễn Diệu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Tuyết Nhung** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 185/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Việt Hồng P cùng đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Việt Hồng P**, sinh ngày 01/01/1997, tại H, Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ 5, khu phố 1, phường C, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Việt H và bà Trần Thị O; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. **Trịnh Quốc C**, Sinh ngày 03/9/1997, tại Hậu Lộc- Thanh Hóa; Nơi cư trú: tổ 4, khu phố 3, phường C, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: kinh doanh; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Văn H và bà Đào Thị T; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/7/2019 đến ngày 11/9/2019 được bảo lãnh; (có mặt).

3/ **Phan Thành T1**, Sinh ngày: 25/02/1997, tại H- Kiên Giang; Nơi cư trú: tổ 5, khu phố 2, phường C, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: ngư phủ;

Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thanh Q và bà Trần Thị U; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị bắt giam từ ngày 27/6/2019 đến ngày 06/8/2019 được bảo lãnh, (có mặt)

4/ **Nguyễn Hữu T2**, Sinh ngày: 18/7/1996, tại H- Kiên Giang; Nơi cư trú: khu phố 3, phường Pháo Đài, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn V và bà Nguyễn Thị Hồng L; Tiền án: không; Tiền sự: không; (có mặt).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trịnh Quốc C, Nguyễn Việt Hồng P, Phan Thành T1, Nguyễn Hữu T2*: Luật sư **Trần Bá N1**- Công ty Luật TNHH MTV Trần Bá Nhân thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- *Bị hại kháng cáo*: **Đỗ Minh N2**, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố 4, phường C, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*: Luật sư **Nguyễn Trường T3** – Văn phòng Luật sư Vạn Lý, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút ngày 24/12/2018, Trịnh Quốc C điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Hữu T2 đi từ thành phố H đến huyện K để dán giấy quảng cáo hút hầm cầu. Đi đến Ba Hòn, huyện K C nhìn thấy ông Đỗ Minh N2 và ông Lê Văn Tạo đang xé giấy quảng cáo của C. Thấy vậy, C chở T2 vào khu vực Nhà máy INSEE uống cà phê và điện thoại cho Nguyễn Hoàng T1 kêu T1 chở S (bạn của C) xuống Bình An, huyện K làm tiếp nhưng S không có ở nhà nên C kêu Hoàng T1 đi xuống một mình. C tiếp tục điện thoại cho Phan Thành T1 và Nguyễn Việt Hồng P kêu xuống K làm tiếp, có hung khí gì thì mang theo. Sau đó Thành T1 chở P xuống gặp C ở quán cà phê, khi đi P có mang theo dao tự chế. Trong lúc đợi Hoàng T1 xuống, C đã bàn bạc với T2, Thành T1 và P đi tìm ông N2 để T2 đánh trả thù (do trước đó giữa C và T2 có mâu thuẫn với ông N2 về việc cạnh tranh kinh doanh hút hầm cầu), nếu T2 đánh không lại thì Thành T1 và P vào đánh tiếp. Khi Hoàng T1 xuống tới thì C kêu Hoàng T1 chở T2 đồng thời đưa cho T2 cây gậy bằng kim loại ba khúc để T2 đánh ông N2, còn Thành T1 thì chở P đi theo T2 (do chỉ có T2 mới biết mặt của ông N2). Cả nhóm chạy cùng với nhau đến chợ Bình An, huyện K thì C rẽ vào chợ, còn T2, Hoàng T1, Thành T1 và P tiếp tục chạy vòng qua xã Bình Trị hướng về Bình An. Sợ T2 đi lạc nên C chạy vào hướng Bình Trị để tìm T2.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, C đi đến tổ 06, ấp Bình Đông, xã Bình An, huyện K, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện ông N2 đang chở ông Tạo lưu thông ngược chiều. Đồng thời C nhìn thấy Hoàng T1 chở T2, Thành T1 chở P đang chạy phía sau ông N2 nên chỉ tay về phía sau (ra hiệu) cho T2 biết ông N2 đang chạy phía trước, còn C thì bỏ chạy về H. Lúc này T2 liền quay sang nói cho Thành T1 biết ông N2 đang chạy ở phía trước nên Thành T1 chở P vượt lên chặn xe mô tô của ông N2 làm xe của ông N2 bị ngã, Hoàng T1 cũng chở T2 vượt lên và T2 dùng cây gậy bằng kim loại ném ông N2 nhưng không trúng ông N2 mà trúng vào lưng của ông Tạo. Sau đó P lấy cây dao tự chế định đánh nhau với ông N2 thì Thành T1 cầm nón bảo hiểm đi đến chỗ P và ông N2, thấy vậy ông N2 quay lưng bỏ chạy thì bị P cầm dao chém trúng vào lưng ông N2 gây thương tích, ông N2 bỏ chạy vào nhà người dân. Lúc này T2 đi đến xe của ông N2 lấy cái áo giáp màu đen và lên xe cùng T1 chạy đến Ba Hòn, huyện K thì bị Công an mời về trụ sở làm việc. Còn Thành T1 và P đi đến cổng ngăn chặn Ba Hòn thuộc khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K quăng bỏ cây dao mà P đã dùng chém ông N2 xuống cổng ngăn chặn và đi về H.

*** Vật chứng vụ án thu giữ được:**

- 01 (một) cái áo giáp màu đen có in chữ T2 Quốc, đã qua sử dụng (của người bị hại Đỗ Minh N).
- 01 (một) cây gậy bằng kim loại ba khúc màu trắng, bao da màu đen, đã qua sử dụng.

*** Vật chứng vụ án không thu giữ được:**

- 01 (một) hung khí tự chế bằng ống tuýp sắt dài 50cm, có hàn lưỡi dao dài 10cm (vật chứng trên của bị can Nguyễn Việt Hồng P dùng gây thương tích cho ông Đỗ Minh N, bị can P khai đã quăng bỏ vật chứng trên xuống cổng ngăn chặn thuộc khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang), đã tổ chức truy tìm nhưng không thấy.

*** Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 125/KL-PY ngày 15/02/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận thương tích đối với Đỗ Minh N:**

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

Sẹo xơ cứng vùng lưng.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 11% (Mười một phần trăm).

*** Tại Bản kết luận giám định pháp y ngày 07/11/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích đối với Đỗ Minh N2:**

Sẹo xơ cứng dính vùng thắt lưng 06%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra qua giám định trên hồ sơ là 06%.

*** Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Việt Hồng P, Trịnh Quốc C, Phan Thành T1, Nguyễn Hữu T2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt Hồng P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Quốc C 01 (một) năm tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 18/7/2019 đến ngày 11/9/2019.

- Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thành T1 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù kể từ ngày chấp hành án, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/6/2019 đến ngày 06/8/2019.

- Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T2 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù kể từ ngày chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Việt Hồng P, Trịnh Quốc C, Phan Thành T1, Nguyễn Hữu T2 bồi thường cho ông Đỗ Minh N2 số tiền 28.828.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 26.000.000 đồng các bị cáo đã tạm nộp như sau: Trịnh Quốc C khắc phục số tiền 10.000.000đ theo biên lai thu tiền số 00678 ngày 12/8/2019, Nguyễn Việt Hồng P khắc phục số tiền 5.000.000đ theo biên lai thu tiền số 00609 ngày 12/8/2019, Phan Thành T1 khắc phục số tiền 10.000.000đ theo biên lai thu tiền số 00679 ngày 13/8/2019, Nguyễn Hữu T2 khắc phục số tiền 1.000.000đ theo biên lai thu tiền số 00012 ngày 05/9/2019. Như vậy các bị cáo còn phải nộp thêm 2.828.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo bồi thường cho ông N2707.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

*** Sau khi xét xử sơ thẩm**, các bị cáo và bị hại có đơn kháng cáo như sau:

Ngày 27/11/2019, bị cáo Nguyễn Việt Hồng P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/11/2019, bị cáo Phan Thành T1 có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án cải tạo không giam giữ hoặc hưởng án treo.

Ngày 27/11/2019 bị cáo Nguyễn Hữu T2 có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/12/2019 bị cáo Trịnh Quốc C có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/12/2019 bị hại Đỗ Minh N2 có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu tăng hình phạt của các bị cáo, tăng mức bồi thường thiệt hại và bị hại không thống nhất với kết quả giám định thương tích 6% của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

* Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 28/02/2020 bị hại Đỗ Minh N2 có đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo như sau: Không đề nghị tăng hình phạt và tăng yêu cầu bồi thường đối với ba bị cáo P, T1 và T2, đề nghị xử ba bị cáo này mức án cải tạo không giam giữ hoặc án treo; đề nghị tăng hình phạt và tăng mức bồi thường đối với bị cáo C.

* Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/5/2020, các bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang đã xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng tội của các bị cáo và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị hại Đỗ Minh N2 yêu cầu kháng cáo như sau: Bị hại xin rút lại yêu cầu kháng cáo về phần kết luận giám định, thống nhất kết quả giám định thương tích của Phân viện khoa học hình sự là 6%; xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo đối với ba bị cáo T1, P và T2; giữ nguyên kháng cáo tăng bồi thường và tăng hình phạt đối với bị cáo C.

* Trong quá trình xét xử, bị cáo C yêu cầu Hội đồng xét xử cho thời gian để nộp khắc phục số tiền còn lại cho bị hại. Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa cho bị cáo C khắc phục tiền bồi thường cho bị hại. Trong thời gian hoãn phiên tòa, bị hại Đỗ Minh N2 lại có đơn yêu cầu giám định lại thương tích vì cho rằng kết luận giám định không khách quan.

* Tại phiên tòa ngày 21/6/2020, bị hại Đỗ Minh N2 lại có yêu cầu giám định lại thương tích, tăng hình phạt, tăng bồi thường đối với bị cáo C; xin giảm nhẹ hình phạt cho ba bị cáo T1, P và T2 được hưởng án treo. Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, tuy nhiên sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan

điểm đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra lại thì các bị cáo cũng đồng ý hủy án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Việc cấp sơ thẩm nhận định do các bị cáo yêu cầu giám định lại, bị hại không đồng ý giám định lại để làm cơ sở ra quyết định trưng cầu giám định trên hồ sơ là không có căn cứ. Việc Thẩm phán độc lập ký quyết định trưng cầu giám định là không đúng quy định pháp luật vì hồ sơ đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên phải mở phiên tòa để HĐXX quyết định có trưng cầu giám định hay không; đồng thời việc trưng cầu giám định trên hồ sơ là sai nguyên tắc giám định. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định trưng cầu giám định trên hồ sơ chứ không phải quyết định trưng cầu giám định lại, nên một hồ sơ có hai kết luận giám định lần đầu với hai tỷ lệ thương tích khác nhau nằm ở hai khung hình phạt khác nhau, nên việc nhận định kết quả giám định của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị cao hơn là không có cơ sở, cấp phúc thẩm cũng không thể xác định được kết quả nào là chính xác. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

* Quan điểm của Luật sư N bào chữa cho các bị cáo cho rằng không thống nhất quan điểm hủy án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát, vì cho rằng vết thương theo kết luận giám định 6% của Phân viện khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh là đã phù hợp, nhưng sau đó Luật sư lại đồng ý hủy án sơ thẩm.

* Quan điểm của Luật sư Thành bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định trưng cầu giám định nhưng không nói là giám định lại hay giám định lần thứ hai, vì nếu giám định lần hai thì các đương sự có quyền yêu cầu giám định lại theo quy định tại Điều 211 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc giám định trên hồ sơ là không đúng quy định, vì đối tượng giám định còn sống. Do đó, Luật sư thống nhất quan điểm hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về điều tra lại của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo và bị hại về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Do có mâu thuẫn với nhau trong cạnh tranh kinh doanh và cho rằng ông N2 là người kêu người đánh mình và T2 nên Trịnh Quốc C đã bàn bạc với T2, T1 và P đi tìm ông N2 để đánh trả thù, nếu T2 đánh không lại thì cho T1 và P vào đánh tiếp. Sau đó, cả nhóm chạy cùng với nhau đến chợ Bình An, huyện K; đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, C đi đến tổ 06, ấp Bình Đông, xã Bình An, huyện K, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện ông N2 đang chở ông Tạo lưu thông ngược chiều và nhìn thấy T1, P và T2 đang chạy phía sau ông N2 nên chỉ tay về phía sau (ra hiệu) cho T2 biết ông N2 đang chạy phía trước, còn C thì bỏ chạy về H. Lúc này, T1 chờ P vượt lên chặn xe mô tô của ông N2 làm xe của ông N2 bị ngã, T2 dùng cây gậy bằng kim loại ném ông N2 nhưng không trúng ông N2 mà trúng vào lưng của ông Tạo, P lấy cây dao tự chế định đánh nhau với ông N2 thì T1 cầm nón bảo hiểm đi đến chỗ P và ông N2, thấy vậy ông N2 quay lưng bỏ chạy thì bị P cầm dao chém trúng vào lưng ông N2 gây thương tích, ông N2 bỏ chạy vào nhà người dân.

Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số: 125/KL-PY ngày 15/02/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Kiên Giang, kết luận thương tích đối với Đỗ Minh N2 là 11%. Các bị cáo không đồng ý với kết luận giám định này nên đã yêu cầu giám định lại.

Tại Bản kết luận giám định pháp y ngày 07/11/2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích đối với Đỗ Minh N2 là 06%. Cấp sơ thẩm đã lấy kết quả giám định này để xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị hại Đỗ Minh N2 không thống nhất với kết luận giám định này và kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu lấy kết luận giám định tỷ lệ thương tích ban đầu là 11% để xét xử các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/5/2020, bị hại N2 rút lại yêu cầu kháng cáo về kết luận giám định và thống nhất với kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự giám định thương tích của bị hại là 6%. Tuy nhiên, đến tại phiên tòa phúc thẩm ngày 21/6/2020 bị hại N2 lại thay đổi, yêu cầu giám định lại thương tích vì cho rằng kết luận giám định không khách quan.

Qua xem xét hồ sơ vụ án và nội dung kháng cáo của bị hại, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Thẩm phán chủ tọa độc lập ký quyết định trưng cầu giám định khi hồ sơ đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử là không đúng quy định pháp luật về tố tụng. Đúng ra, cấp sơ thẩm phải mở phiên tòa để Hội đồng xét xử quyết định có hay không việc trưng cầu giám định lại thương tích của bị hại.

Tòa án cấp sơ thẩm ra quyết định trưng cầu giám định trên hồ sơ đối với thương tích của bị hại Đỗ Minh N2 là sai nguyên tắc giám định. Bởi lẽ, theo quy

định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 thì: Giám định để xác định tỷ lệ % tổn thương cơ thể được thực hiện trên hồ sơ trong trường hợp người cần được giám định đã bị chết hoặc mất tích hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Trong vụ án, đối tượng giám định là ông Đỗ Minh N2 vẫn còn sống nên việc trưng cầu giám định trên hồ sơ là không đúng.

Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án huyện K là trưng cầu giám định trên hồ sơ chứ không phải là trưng cầu giám định lại, từ đó trong hồ sơ có hai kết luận giám định với hai kết quả khác nhau, được quy định tại hai khoản khác nhau của Điều 134 Bộ luật hình sự (Kết luận của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Kiên Giang là 11% thuộc khoản 2 Điều 134; Kết luận giám định của Phân viện khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh là 6% thuộc khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự). Do đó, không thể xác định được kết quả nào là chính xác để xét xử các bị cáo. Việc bản án sơ thẩm nhận định kết quả giám định của Phân viện khoa học hình sự Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị pháp lý cao hơn nên HĐXX chấp nhận lấy kết quả này để xét xử các bị cáo là không đúng quy định của pháp luật.

Mặt khác, tại phần I Chương 9 Thông tư 20/2014/TT-BYT quy định về nguyên tắc đánh giá kích thước sẹo là “Sẹo lớn: chiều dài trên 5cm; chiều rộng trên 0,5cm”. Theo Kết luận giám định của Trung tâm pháp y tỉnh Kiên Giang thì thương tích của bị hại Đỗ Minh N2 có kích thước là 9,7 x 0,2cm và xác định tỷ lệ thương tích là 11% tương ứng với sẹo lớn. Tuy nhiên, theo mục 1 Chương 8 Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 quy định “Sẹo lớn: Chiều dài trên 5cm và chiều rộng trên 0,5cm” là vừa đáp ứng tiêu chí về chiều dài và vừa đáp ứng tiêu chí về chiều rộng. Nên cấp phúc thẩm không xác định được tỷ lệ phần trăm thương tích của bị hại để xét xử các bị cáo.

Từ những nhận định nêu trên, thấy rằng cấp sơ thẩm còn có những vi phạm nghiêm trọng mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được, nên cần thiết hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về điều tra lại theo thủ tục chung.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho các bị cáo và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại cũng đồng ý hủy án sơ thẩm là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hủy bản án sơ thẩm số 54/2019/HS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Kiên Giang điều tra lại theo thủ tục chung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (4);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Đương sự (1)
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Trọng Hân